

Bản án số: 04/2018/KDTM-ST
Ngày: 24-5-2018
V/v tranh chấp phát sinh trong hoạt
động kinh doanh, thương mại.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phan Kim Mỹ

2/ Bà Nguyễn Minh Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2017/TLST-KDTM ngày 09 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2018/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2018/QĐST-KDTM ngày 17 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty M.

Địa chỉ trụ sở: Số 17, đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Từ Vĩ C, sinh năm 1992, địa chỉ: Số 15, đường D, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 15/9/2017).

- Bị đơn: Công ty N.

Địa chỉ trụ sở: Số 148, Đường E, phường F, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1981, địa chỉ: Số 70, Đường K, phường L, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 02/01/2018).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 9 năm 2017 cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn M có ông Từ Vĩ C là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 30/6/2016, Công ty M cung cấp dịch vụ vận chuyển và nhập hàng qua container về Cảng Cát Lái cho Công ty N theo Vận đơn số APLU 666101979. Theo đó Công ty M sẽ cung cấp dịch vụ cho thuê vỏ container sau khi Công ty N nhập hàng với phí là 820.080 đồng/ngày và sau đó Công ty N phải trả vỏ rỗng về cho Công ty M chậm nhất ngày 13/8/2016. Sau nhiều lần liên lạc với Công ty N yêu cầu hoàn trả vỏ container và phí lưu giữ container, đến tháng 9/2017 đại diện Công ty N xác nhận với Công ty M về việc đã làm mất vỏ container. Ngày 07/9/2017, Công ty M đã xuất Hóa đơn số 0041658 cho Công ty N về thanh toán phí lưu container từ ngày 07/8/2016 đến hết ngày 07/9/2017 là 338.007.134 đồng. Do Công ty N không thanh toán các khoản tiền này, nên ngày 21/9/2017 Công ty M đã khởi kiện tại Tòa án yêu cầu Công ty N phải thanh toán tiền phí lưu giữ container 338.007.134 đồng và tiền bồi thường giá trị vỏ container đã làm mất là 80.185.600 đồng. Trong quá trình Tòa án giải quyết, ngày 13/3/2018 Công ty N đã thanh toán cho Công ty M số tiền bồi thường vỏ container bị mất là 76.698.923 đồng, nên tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn xin rút yêu cầu đòi tiền bồi thường giá trị vỏ container đã làm mất là 80.185.600 đồng và giữ nguyên yêu cầu thanh toán tiền phí lưu giữ container được tính từ ngày 07/8/2016 đến ngày 07/9/2017 là 338.007.134 đồng.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của bị đơn có bà Trần Thị Thanh T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty N xác nhận trình bày của đại diện Công ty M là đúng. Công ty N xác nhận đã làm mất vỏ container của Công ty M và đã thực hiện việc bồi thường giá trị vỏ container bị mất là 76.698.923 đồng vào ngày 13/3/2018. Công ty N không đồng ý đối với yêu cầu của Công ty M buộc Công ty N phải thanh toán tiền phí lưu giữ container 338.007.134 đồng, vì hiện nay Công ty N đã tạm ngừng hoạt động từ tháng 3/2017 đến tháng 9/2018. Do đó, bị đơn chỉ có thể trả được 80.000.000 đồng trong vòng 04 tháng, mỗi tháng trả 20.000.000 đồng, kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 2 ý kiến như sau:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật

của các đương sự là đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm phán cần rút kinh nghiệm vì thực hiện không đúng về thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Ý kiến giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 481, 482, 489, 490 Bộ luật dân sự năm 2005, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán tiền phí lưu giữ container, đình chỉ đối với yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại do bị mất vỏ container vì bị đơn đã thanh toán xong và nguyên đơn rút yêu cầu này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về yêu cầu thanh toán chi phí lưu giữ container và bồi thường thiệt hại do làm mất vỏ container giữa nguyên đơn với bị đơn là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh về dịch vụ Logistics và đều có mục đích lợi nhuận, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo Điều 233 Luật Thương mại năm 2005, Khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân Quận G nơi bị đơn có trụ sở tại Quận 2 là đúng thẩm quyền giải quyết theo Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không áp dụng về thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về phạm vi giải quyết vụ án:

Xét tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn xác nhận bị đơn đã thanh toán tiền bồi thường do bị mất vỏ container nên xin rút yêu cầu này, do đó, có cơ sở để đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này theo Khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, phạm vi giải quyết vụ án này chỉ còn yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán số tiền chi phí lưu giữ container.

[1.4] Về thời hạn chuẩn bị xét xử:

Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 2 về việc Thẩm phán cần thực hiện đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử là có cơ sở, nên Thẩm phán cần rút kinh nghiệm về vấn đề này.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và được bị đơn thừa nhận, có cơ sở xác định ngày 30/6/2016 nguyên đơn đã cung cấp một dịch vụ Logistics về vận chuyển và nhập hàng về Cảng Cát Lái cho bị đơn theo Vận đơn số APL 666101979. Căn cứ vào Lệnh giao hàng của Vận đơn nêu trên thì bị đơn được mượn vỏ container để chở hàng về kho và phải trả container rỗng cho

nguyên đơn tại bãi ICD SOTRANS vào ngày 13/8/2016. Theo lời khai của đại diện nguyên đơn về quy định mượn vỏ container thì khách hàng phải cam kết chịu nộp phí lưu giữ container quá thời hạn cho phép theo biểu giá của hãng tàu được tính từ ngày thứ 7 trở đi, nếu sau khi trả lại vỏ container thì khách hàng sẽ được nhận lại số tiền cọc để bảo đảm việc mượn vỏ container. Quy định này cũng được đại diện bị đơn thừa nhận tại phiên tòa, tuy nhiên, đại diện bị đơn cho rằng đến tháng 3/2017 nguyên đơn mới báo cho bị đơn về việc không thấy container nên đề nghị chỉ tính phí lưu giữ container từ ngày 07/8/2016 đến tháng 3/2017 là 165 triệu đồng, và nguyên đơn cần chia sẻ, hỗ trợ cho bị đơn 50% rủi ro là 80 triệu đồng, bị đơn sẽ cố gắng trả trong vòng 04 tháng với mỗi tháng là 20 triệu đồng. Về phía nguyên đơn cho rằng quy định mượn vỏ container không quy định thời hạn bao lâu thì mới báo không nhận được container rỗng, mà chỉ quy định quá hạn thì tính phí, ngày 13/3/2018 bị đơn mới thanh toán tiền bồi thường thiệt hại do mất vỏ container, nên nguyên đơn đã chia sẻ với bị đơn cùng chịu $\frac{1}{2}$ rủi ro là chỉ tính phí lưu giữ container đến ngày 07/9/2017 thay vì phải tính đến ngày 13/3/2018. Xét trình bày của nguyên đơn nêu trên là phù hợp với quy định về mượn vỏ container mà hai bên đã thỏa thuận, nguyên đơn cũng chia sẻ rủi ro với bị đơn không tính tiền phí lưu giữ container đến ngày 13/3/2018 là hợp tình, hợp lý, phù hợp điểm a Khoản 1 Điều 235, Khoản 5 và Khoản 6 Điều 236 Luật thương mại năm 2005, nên yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTNVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 244, 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Khoản 5 và Khoản 6 Điều 236, Điều 306 Luật thương mại năm 2005;

Áp dụng Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTNVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 26 Luật Thi hành án dân sự,

Tuyên xử:

1- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc đòi bị đơn thanh toán tiền bồi thường thiệt hại do làm mất vỏ container số APZU394057 là 80.185.600 đồng (*Tám mươi triệu, một trăm tám mươi lăm nghìn, sáu trăm đồng*).

2- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Công ty N phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty M Việt Nam số tiền chi phí lưu giữ container số APZU394057 từ ngày 07/8/2016 đến ngày 07/9/2017 là 338.007.134 đồng (*Ba trăm, ba mươi tám triệu, không trăm lẻ bảy nghìn, một trăm, ba mươi bốn đồng*) ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty N phải chịu án phí sơ thẩm số tiền là 16.900.356 đồng (*Mười sáu triệu, chín trăm nghìn, ba trăm năm mươi sáu đồng*) và nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Công ty M được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.363.854 đồng (*Mười triệu, ba trăm sáu mươi ba nghìn, tám trăm năm mươi bốn đồng*) theo Biên lai thu số AE/2014/0008458 ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Viện Kiểm sát nhân dân Quận 2;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu Hải